

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 143, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị O, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Hoàng P, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Theo yêu cầu đòi nợ tiền của nguyên đơn chị Phạm Thị O thì bị đơn anh Nguyễn Văn H đồng ý, tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) theo phương thức trả nợ dần làm 12 lần, bằng tiền mặt, với thời gian trả nợ như sau:

- Lần 1, vào ngày 18/10/2022 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Lần 2, vào ngày 18/11/2022 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Lần 3, vào ngày 18/12/2022 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Lần 4, vào ngày 18/01/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 5, vào ngày 18/02/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 6, vào ngày 18/3/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 7, vào ngày 18/4/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 8, vào ngày 18/5/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 9, vào ngày 18/6/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 10, vào ngày 18/7/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 11, vào ngày 18/8/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Lần 12, vào ngày 18/9/2023 anh H trả cho chị O số tiền nợ gốc còn lại là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị O) (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án (anh H) còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Là 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), các đương sự tự nguyện thỏa thuận nguyên đơn chị O chịu toàn bộ. Chị O được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.175.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003616 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị O đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Phương

